

Bản án số: **26/2022/HS-ST**
Ngày: 15/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Đạt, ông Đặng Minh Nhựt và ông Nguyễn Ngọc Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Vân – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Phúc – Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Phan Thị Bích H, sinh ngày: 05/11/1984; Tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở: B H, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha không xác định được; Con bà Phan Thị T (đã chết); Có chồng Huỳnh M, sinh năm 1982 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

- Người bào chữa của bị cáo: Ông Ngô Thiên P – Luật sư, Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P; Có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1972. Nơi cư trú: 31 L, Khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

2. Đặng Thị Thu S, sinh năm 1974. Nơi cư trú: T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Đinh Thị Thu H1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: 19 N, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

2. Huỳnh M, sinh năm 1982; Nơi cư trú: T nổi dài, khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2013, Phan Thị Bích H buôn bán đa cấp bị thua lỗ dẫn đến vay nợ nhiều người, mất khả năng thanh toán. H nảy sinh ý định nói dối cần vay tiền đáo hạn ngân hàng hoặc vay tiền xử lý công việc cá nhân hoặc tham gia chơi huê để người khác tin tưởng đưa tiền cho H chiếm đoạt, cụ thể:

Từ tháng 7/2015 đến tháng 5/2016, H biết bà Đặng Thị Thu S cho vay tiền và tổ chức chơi huê nên vào các ngày 30/7/2015 và 17/02/2016, H tham gia chơi 02 dây huê do bà S tổ chức (loại huê 5.000.000 đồng/tháng, 12 người chơi), H đăng ký nhận tiền trước nên thực nhận 47.000.000 đồng/dây huê, tổng cộng là 94.000.000 đồng. Để bà S tin tưởng tiếp tục cho vay tiền, H đã trả cho bà S 65.000.000 đồng. Ngày 27/3/2016 và 18/5/2016, H nói dối với bà S là cần vay tiền để xử lý việc cá nhân số tiền 50.000.000 đồng và vay tiền để đưa người khác đáo hạn ngân hàng số tiền 65.000.000 đồng. Bà S tin là thật nên tiếp tục đưa cho H 115.000.000 đồng. Tổng cộng H chiếm đoạt của bà S 209.000.000 đồng.

Từ tháng 3/2016 đến tháng 5/2016, H nói với bà Nguyễn Thị Thùy L cho H vay tiền để H đưa người khác vay đáo hạn Ngân hàng rồi cùng nhau hưởng lãi. Bà Liên tưởng thật nên đồng ý đưa H vay tổng cộng 25 lần với tổng số tiền 1.120.000.000 đồng, H viết, ký tên vào sổ nợ của bà L để theo dõi. H trả tiền gốc, lãi cho bà L 10 khoản vay với tổng số tiền 421.000.000 đồng. Đối với 15 khoản vay với số tiền 699.000.000 đồng còn lại, sau khi nhận được tiền, H nói dối với bà L là thủ tục đáo hạn bị trục trặc hoặc hồ sơ không vay lại được, chờ người ta bán mía sẽ trả tiền nhưng thực tế H chiếm đoạt sử dụng cá nhân và bỏ trốn khỏi địa phương.

Bản kết luận giám định số 1139 ngày 08/4/2022 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận: Chữ viết trên các giấy mượn tiền là của Phan Thị Bích H.

Bản Cáo trạng số: 24/CT-VKS-P1 ngày 05/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Phan Thị Bích H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a, Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị Bích H vẫn khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt đều khai về tình tiết vụ án diễn ra như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng; Các bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhưng buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại; Cụ thể yêu cầu bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thùy L 682.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường cho bà Đặng Thị Thu S 170.000.000 đồng

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phan Thị Bích H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng Điểm a, Khoản 4 Điều 174; Điểm b, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; phạt: Phan Thị Bích H từ 13 đến 14 năm tù. Đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thùy L 682.000.000 đồng; bà Đặng Thị Thu S 170.000.000 đồng.

Luật sư Ngô Thiên P bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị, thì cần xem xét bị cáo là phụ nữ, có nhân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, để phạt bị cáo mức án thấp hơn mức án mà Kiểm sát viên đã đề nghị.

Trong phần tranh luận Kiểm sát viên không nhất trí với đề nghị của người bào chữa, giữ nguyên lời luận tội; bị cáo xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, người bào chữa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Thị Bích H tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 7/2015 đến tháng 5/2016, tại thôn T, xã S và khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên. Phan Thị Bích H đưa ra thông tin gian dối, như: Chơi huê, cần vay tiền đáo hạn ngân hàng, giải quyết công việc cá nhân ..., làm cho các bị hại tưởng thật, bà Nguyễn Thị Thùy L đã đưa cho H 699.000.000 đồng, bà Đặng Thị Thu S đưa cho H 209.000.000 đồng, tổng cộng 908.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, H không sử dụng tiền vào mục đích như đã nói mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân, rồi bỏ trốn. Do đó, bản Cáo trạng số 24/CT-VKSPY-P1 ngày 05/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố Phan Thị Bích H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a, Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Bị cáo Phan Thị Bích H là người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo biết rõ, việc đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản là nguy hiểm, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác và bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì lợi ích cá nhân, lười biếng lao động, bị cáo đã bất chấp pháp luật, chiếm đoạt tài sản của các bị hại, không chỉ làm mất trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương, mà còn gây bức xúc trong dư luận. Việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề là không đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nên không chấp nhận. Mặt khác, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên để xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo là phụ nữ có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, từ nhỏ đã không xác định được cha, mẹ đã chết, đến nay vợ chồng đã ly hôn chồng, đang trực tiếp nuôi 02 con nhỏ, trong đó con nhỏ nhất mới sinh năm 2021; Từ giai đoạn điều tra cho đến khi xét xử luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường 17.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thùy L để khắc phục một phần hậu quả, được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điểm b, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 682.000.000 đồng, bị hại Đặng Thị

Thu S yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 170.000.000 đồng. Bị cáo Phan Thị Bích H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Xét sự thỏa thuận của các bị hại với bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự, nên Kiểm sát viên đề nghị ghi nhận là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Phan Thị Bích H bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thùy L 682.000.000 đồng; bà Đặng Thị Thu S 170.000.000 đồng. Tổng cộng: 852.000.000 đồng, nên phải chịu 36.000.000 đồng + (3% x 52.000.000đ) = 37.560.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ngoài ra, bà Đặng Thị Thu S còn khai bị Phan Thị Bích H chiếm đoạt 30.000.000 đồng vào ngày 23/5/2016; Tuy nhiên, theo kết quả giám định chữ viết trên giấy mượn tiền không phải của H và không có tài liệu chứng cứ nào khác để quy kết H còn chiếm đoạt của bà S 30.000.000 đồng, nên không có căn cứ xử lý hình sự và không buộc H phải trả cho bà S số tiền 30.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Bích H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về Hình phạt: Áp dụng Điểm a, Khoản 4 Điều 174; Điểm b, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Phạt: Bị cáo Phan Thị Bích H – 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo với các bị hại. Buộc bị cáo Phan Thị Bích H phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Thùy L số tiền 682.000.000đ (Sáu trăm tám mươi hai triệu đồng); Bồi thường cho bị hại Đặng Thị Thu S 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thị Bích H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 37.560.000 đ (Bốn mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDCC Đà Nẵng ;
- VKSNDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan ANĐT CA tỉnh Phú Yên;
- PV 06;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- P.KTNV - THAHS;
- Cục THADS Phú Yên ;
- Lưu TA, THS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyên Tùng

